TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 168/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08 – 10 – 2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính
Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hành
Ông Nguyễn Văn Mầm

-*Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019. Về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1967 (Có mặt).
Cư trú: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Lương Thanh T, sinh năm 1965 (Vắng mặt).
Cư trú: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2019 và các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa chị Trần Thị L (Nguyên đơn) trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị L và anh T chung sống với nhau năm 1995 không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến không hòa thuận, vợ chồng thường hay cự cải nhau. Gia đình đã nhiều lần hàn gắn nhưng vợ chồng không thể chung sống hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay. Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T.

- *Về con chung:* Chị L và anh T có 02 người con chung tên Lương Thùy Lil, sinh ngày 12/01/1996 và Lương Công Vinh, sinh ngày 30/12/2001. Hiện nay 02 con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng tư nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị L xác định trong thời gian chung sống chị và anh T không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị L xác định trong thời gian chung sống chị và anh T không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lương Thanh T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho anh T biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 04/7/2019 nhưng anh T không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập hợp lệ anh T để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh T không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị L. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên nên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị L và anh T là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh T có địa chỉ tại Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Lương Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân năm 1995 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị L và anh T không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của chị L và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 người con chung tên Lương Thùy Lil, sinh ngày 12/01/1996 và Lương Công Vinh, sinh ngày 30/12/2001. Hiện nay 02 con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng tư nên chị L không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị L xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị L xác định trong thời gian chị L và anh T chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh T vắng mặt không có ý kiến về tài sản và nợ chung nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ của chị Trần Thị L và anh Lương Thanh T là vợ chồng.

- *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

Chị Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị L có dự nộp số L tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu L số 0004567 ngày 09/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

<u>Nơi gửi</u>:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Các Đương sự;
- UBND thị trấn C;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính